TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** Tỉnh Bến Tre	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **131**/2018/DS-ST
Ngày: 01-8-2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản* "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Lê Thị Thuận
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2017/TLST-DS ngày 25/12/2017 về tranh chấp"Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1479/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2018/QĐST-DS ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 (có mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 37/5 ấp P, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1964 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Ông Ngô Văn D, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số nhà 165/5 ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 25/02/2015, bà H có cho bà Đ vay số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng với lãi suất thỏa thuận 6%/tháng để bà Đ dùng tiền vào việc cưới vợ cho con của bà Đ, ông D và sửa nhà. Đến ngày 15/9/2017, bà Đ không đóng lãi và không trả nợ gốc nên phát sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu buộc bà Đ và ông D (chồng bà Đ) phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền gốc là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng. Đối với khoản nợ lãi bà yêu cầu bà Đ và ông D phải trả cho bà số tiền là 2.880.000 đồng (tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 21/12/2017), tại phiên tòa hôm nay bà H tự nguyện rút yêu cầu trả lãi theo đơn khởi kiện và không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 22/12/2017 đến ngày xét xử.

Bị đơn Lê Thị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng theo nội dung bản tự khai ngày 17/01/2018, trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Đ thừa nhận có vay của bà H số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 6%/tháng và thống nhất đóng lãi cho bà H đến ngày 15/9/2017. Bà Đ đồng ý trả nợ gốc cho bà H nhưng bà yêu cầu được trả dần đến hết nợ, theo bà Đ trình bày, việc bà Đ vay tiền của bà H thì ông D không biết, tiền vay dùng vào mục đích cá nhân là trị bệnh đau lưng cho bà và bà với ông D chỉ sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn nên bà không đồng ý buộc ông D phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà H. Đối với khoản nợ lãi mà bà H yêu cầu bà Đ không trả do hoàn cảnh quá khó khăn.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Ngô Văn D vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đúng quy định pháp luật; ông Ngô Văn D vắng mặt trong các phiên họp, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Lê Thị Đ và ông Ngô Văn D phải liên đới có nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền 15.000.000 đồng. Về lải suất bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Thị H tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn Lê Thị Đ, Ngô Văn D theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Đ đơn xin xét xử vắng mặt, ông Ngô Văn D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đ và ông D.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị H với bà Lê Thị Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng vay tài sản này hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Lê Thị Đ có thừa nhận vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 15.000.000 đồng với mức lãi suất 6%/tháng, đồng thời cả hai cùng thống nhất là bà Đ đã đóng lãi cho bà H đến ngày 15/9/2017, bà Đ đồng ý trả tiền nợ gốc cho bà H là 15.000.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng cho đến hết nợ. Ngoài ra theo bà Đ trình bày, việc bà Đ vay tiền của bà H thì ông D không biết, tiền vay dùng vào mục đích cá nhân là trị bệnh đau lưng cho bà Đ và bà Đ với ông D chỉ sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn nên bà không đồng ý buộc ông D phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà H. Tuy nhiên, qua tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông D và bà Đ thì được công an xã Mỹ Hưng, huyện P cho biết: Bà Đ và ông D sống chung như vợ chồng từ trước năm 1984 và có 02 người con chung sinh năm 1984 và 1985. Như vậy, mặc dù ông D và bà Đ sống với nhau không có đăng ký kết hôn nhưng được xem là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Ông D không cung cấp ý kiến bằng văn bản, không có lời trình bày và bà Đ cho rằng việc bà vay tiền của bà H thì ông D không biết, nhưng bà Đ đã thừa nhận việc vay tiền là để trị bệnh cho bà Đ, bà H trình bày bà Đ vay tiền trong thời gian sống chung với ông D và dùng tiền vay để cưới vợ cho con , sửa nhà...là đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên có cơ sở buộc ông D phải có trách nhiệm liên đới với bà Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

[5] Đối với khoản nợ lãi bà H yêu cầu bà Đ phải trả cho bà H số tiền là 2.880.000 đồng (tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 21/12/2017), tại phiên tòa hôm nay bà H tự nguyện rút yêu cầu trả lãi theo đơn khởi kiện, đồng thời không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 22/12/2017 đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[6] Xét việc bà Đ yêu cầu trả dần vào hàng tháng số tiền nợ gốc cho bà H là không có cơ sở chấp nhận, do lúc hai bên giao kết hợp đồng vay tài sản không có thỏa thuận cách thức trả dần và tại phiên tòa hôm nay bà H không đồng ý cho bà Đ, ông D trả dần.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét nên được chấp nhận.

[8] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Thị Đ, ông Ngô Văn D phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí bà Đ, ông D phải nộp (15.000.000 đồng x 5%) là: 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Lê Thị H và ông Ngô Văn D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 15.000.000 (Mươi lăm triệu) đồng cho bà Nguyễn Thị H. Về lãi suất bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị Đ và ông Ngô Văn D phải có nghĩa vụ liên đới nộp 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- VKSND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Thành viên hội đồng xét xử - Thẩm phán – chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Văn Sơn – Lê Thị Thuận Hồ Thị Triết